

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	49.148.439.185	104.445.664.025
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		895.363.728	5.863.363.638
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	48.253.075.457	98.582.300.387
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.123.006.943	26.728.916.747
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		38.130.068.514	71.853.383.640
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	(235.335.494)	415.591.386
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		(1.601.107.207)	5.333.749.151
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		(1.601.107.207)	5.333.749.151
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	4.887.190.438	6.520.274.002
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.403.831.401	1.438.765.001
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		32.204.818.388	58.976.186.872
11. Thu nhập khác	31	VI.6	114.489.038	2.026.009.091
12. Chi phí khác	32	VI.7	45.957.869	87.845.577
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		68.531.169	1.938.163.514
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.273.349.557	60.914.350.386
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	5.003.199.032	7.140.682.898
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			2.061.491.707
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		27.270.150.525	51.712.175.781
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		497	943

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Thủy

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Trịnh Thanh Hùng

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đỗ Quang Ngàn